TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Lệ T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn bà Phạm Lệ T trình bày: Vào năm 1994 bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn, đến ngày 19 tháng 3 năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó bà và ông P hiện đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông P không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được

nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Chúc G (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Nguyễn Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 30 tháng 10 năm 2008. Đối với Nguyễn Chúc G hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên bà không yêu cầu giải quyết, riêng Nguyễn Trúc Q bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa Tận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Lệ T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Phạm Lệ T ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Giao con chung tên là Nguyễn Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 30 tháng 10 năm 2008 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Phạm Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn P cư trú tại ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Lệ T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông P là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà T và ông P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn với ông P vì bà T cho rằng quá trình chung sống giữa bà T và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông P không còn hạnh phúc, hiện bà T và ông P đã sống ly thân nên bà T yêu cầu được ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T, cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho bà T ly hôn với ông P là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Chúc G (giới tính nữ), sinh năm 1995 và Nguyễn Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 30 tháng 10 năm 2008. Đối với Nguyễn Chúc G hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Riêng Nguyễn Trúc Q, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con. Ông P không có ý kiến phản đối về yêu cầu được nuôi con của bà T. Xét thấy, Nguyễn Trúc Q hiện do bà T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà T xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Ông P không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Phạm Lệ T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Lệ T ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung, giao bà Phạm Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trúc Q (giới tính nữ), sinh ngày 30 tháng 10 năm 2008. Ông Nguyễn Văn P không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Phạm Lệ T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019119, ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên bà Phạm Lệ T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ